TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/DS-PT
Ngày 12-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đồng Thị L, sinh 1971; địa chỉ: K đường N, tổ F, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1975; địa chỉ: số A đường C, tổ B, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ: số 18A, tổ C, khu E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đồng Thị L trình bày:

Ngày 11/11/2020, bà Đồng Thị L có cho bà Lê Thị Ngọc T vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay; thỏa thuận lãi miệng không ghi vào hợp đồng. Bà L là người viết giấy mượn tiền, bà T đọc và ký tên

vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, đến ngày hẹn bà T không không trả tiền gốc và lãi cho bà L mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi tạm tính từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022 là 1% x 10 tháng x 250.000.000 đồng là 25.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:* Bà Lê Thị Ngọc T với bà Đồng Thị L có quen biết nên có giao dịch mượn tiền từ đầu năm 2019 nhưng do không thanh toán được nợ gốc và tiền lãi nên ngày 11/11/2020 bà L yêu cầu bà T phải viết giấy chốt nợ bằng Hợp đồng mượn tiền ngày 11/11/2020 với số tiền gốc 250.000.000đồng, thời gian mượn 06 tháng, hợp đồng không thoả thuận lãi suất nhưng hai bên có thoả thuận miệng lãi suất hàng tháng là 5%/tháng. Sau khi ký hợp đồng, bà T đã thanh toán tiền lãi cho bà L nhiều lần, cụ thể: bà T đã chuyển khoản cho bà L vào Tài khoản số 5500205932370 tại Ngân hàng N – Chi nhánh B, chủ tài khoản là bà Đồng Thị L và tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 như sau: Ngày 09/5/2020, bà T đã chuyển khoản cho bà L số tiền lãi 5.002.700 đồng; ngày 17/12/2020, bà T đã chuyển khoản cho bà L số tiền lãi 6.007.700 đồng; ngày 19/01/2021, bà T đã chuyển khoản cho bà L số tiền lãi9.007.700 đồng; ngày 17/5/2021, bà T đã chuyển khoản cho bà L số tiền 10.011.000 đồng và ngày 05/12/2021 là 3.000.000 đồng. Tổng cộng: 33.029.100 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng theo Hợp đồng ngày 11/11/2020 thì bà T đồng ý. Còn số tiền lãi bà L yêu cầu 25.000.000 đồng tạm tính từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022 theo mức lãi suất 1%/tháng thì bà T đã thanh toán tiền lãi cho bà L nhiều lần nên yêu cầu bà L tính toán lại giảm lãi cho bà T.

Ngày 13/5/2022, bà Lê Thị Ngọc T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị L đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về yêu cầu thanh toán tiền lãi đối với số tiền 25.000.000 đồng (tạm tính từ 6/2021 đến tháng 3/2022)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị L đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho bà Đồng Thị L số tiền nợ gốc là 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 bị đơn bà Lê Thị Ngọc T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Hợp đồng mượn tiền đề ngày 11/11/2020 (bút lục 10) giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên thoả thuận số tiền vay là 250.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 11/11/2020, thoả thuận giữa các bên là tự nguyện nên phát sinh hiệu lực. Quá trình vay, bị đơn thừa nhận đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều lần, bằng hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng với tổng số tiền là 33.029.000.000 đồng (bút lục 159), nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả số tiền lãi 34.500.000 đồng và đồng ý rút yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi đối với số tiền 250.000.000 đồng và chấp nhận khấu trừ số tiền đã trả vào số tiền gốc, buộc bị đơn trả số tiền 215.500.000 đồng (bút lục 142-143). Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Xét thấy nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả số tiền 34.500.000 đồng, cao hơn số tiền bị đơn thừa nhận đã trả là 33.029.000.000 đồng nên chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền lãi đã trả theo trình bày của bị đơn là chưa phù hợp.Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên cần sửa số tiền nợ gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 215.500.000 đồng (Toà án cấp sơ thẩm tuyên 216.000.000 đồng), bị đơn kháng cáo có căn cứ chấp nhận một phần

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng mượn tiền ngày 11/11/2020 thể hiện nội dung bà T vay mượn của bà L số tiền 250.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đồng Thị L và bị đơn bà Lê Thị Ngọc T thống nhất thừa nhận nội dung tại Hợp đồng mượn tiền ngày 11/11/2020, thừa nhận việc bà T chưa trả được nợ gốc theo hợp đồng cho bà L nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 tại Toà án, bị đơn bà T đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và đề nghị giảm số tiền lãi cho bà vì trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T đã có chuyển khoản thanh toán tiền lãi cho bà L nhiều lần, tổng cộng là 33.029.100 đồng. Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 bà Đồng Thị L đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi

đối với số tiền 250.000.000 đồng và thừa nhận việc bà T đã chuyển khoản trả cho bà L tổng cộng là 33.029.100 đồng, nay do bà T gặp khó khăn nên bà L tự nguyện cấn trừ số tiền bà T đã chuyển khoản trả lãi là 33.029.100 đồng làm tròn là 34.000.000 đồng vào số tiền gốc bà T còn nợ bà L là 250.000.000 đồng, yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc còn lại cho bà L là 216.000.000 đồng.

[3] Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị L về yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 250.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tiền lãi. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấn trừ số tiền 34.500.000 đồng mà bà T đã thanh toán vào số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng nên bà T còn phải trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại là 215.500.000 đồng. Tuy nhiên bà T cho rằng, bà T đã trả nợ gốc cho bà L 45.000.000 đồng chứ không phải 34.000.000 đồng như bà T khai nhưng bà T không cung cấp chứng cứ nên không có căn cứ xác định bà T đã trả gốc cho bà L số tiền 45.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận bị đơn trả số tiền gốc là 34.500.000 đồng chứ không phải là 34.000.000 đồng nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền bị đơn bà Lê Thị Ngọc T phải trả và án phí sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Ngọc T phải chịu.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Kiểm sát viên về việc sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị L đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về yêu cầu thanh toán tiền lãi đối với số tiền 25.000.000 đồng (tạm tính từ 6/2021 đến tháng 3/2022)

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị L đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho bà Đồng Thị L số tiền nợ gốc 215.500.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T phải nộp số tiền 10.775.000 đồng (mười triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đồng Thị L số tiền tạm ứng án 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001082 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc T không phải nộp. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000296 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp